

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-PT
Ngày 03/4/2024
V/v tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Mỹ Dung**

Các Thẩm phán:

Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Tình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Đoàn Thị Kim Tuyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DSST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2024/QĐPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1935 (vắng mặt). Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1950 (có mặt). Địa chỉ: Khóm N, phường V, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1960 (có mặt). Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Tạm trú: Tổ B, ấp P, xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông B, bà T và bà H: ông **Võ Minh V**, sinh năm 1972 (có mặt); Địa chỉ: Số B, đường T, khóm B, phường H, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/02/2024).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Luật sư Mai T1 - thành viên Công ty luật TNHH Th và Cộng Sự thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

- Bị đơn:*
1. Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1961 (có mặt)
 2. Anh **Nguyễn Nhựt M**, sinh năm 1987 (có mặt)
 3. Anh **Nguyễn Nhựt S**, sinh năm 1990 (có mặt)
 4. Chị **Nguyễn Kim T2**, sinh năm 1992 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của anh M: Chị **Nguyễn Kim T2**, sinh năm 1992 (có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2023 công chứng số 4013 tại Văn phòng Công chứng số 2).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh M: Luật sư Nguyễn Phước Tr - Văn phòng Luật sư Nguyễn Phước Tr - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Xuân K**, sinh năm 2001 (có mặt). Nơi đăng ký thường trú: Ấp N, xã P, huyện Đ, Thành phố Cần Thơ. Địa chỉ tạm trú: Tổ B, ấp P, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Nguyễn Nhựt M1**, sinh năm 1985 (có mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long**. Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T3** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban (vắng mặt).*

- *Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thu H - nguyên đơn; ông Nguyễn Nhựt M - Bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Cha mẹ ông B, bà T là cụ Nguyễn Công Tr1 (đã chết ngày 25/7/2002, khai tử ngày 10/01/2003) và cụ Trần Thị Th (chết ngày 06/6/2000) có 04 người con

gồm: ông Nguyễn Văn B (là con nuôi cụ Tr1, cụ Th), bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn S1 (chết ngày 17/11/2002), ông S1 có vợ là Nguyễn Thị Thu H và con là Nguyễn Thị Xuân K; ông Nguyễn Văn S1 (chết ngày 02/02/2017); ông S1 có vợ là Nguyễn Thị Nh và các con ông S1, bà Nh là Nguyễn Nhựt M, Nguyễn Nhựt S, Nguyễn Kim T2 và Nguyễn Nhựt M1.

Cụ Tr1 và cụ Th chết không có di chúc, di sản gồm có: Thửa đất số 726, tờ bản đồ số 5, loại đất vườn, diện tích 840m²; Thửa đất số 728, tờ bản đồ số 5, loại đất vườn, diện tích 3.340m²; Thửa đất số 729, tờ bản đồ số 5, loại đất lúa, diện tích 6.180m²; Thửa đất số 733, tờ bản đồ số 5, loại đất màu, diện tích 1.100m²; Thửa đất số 725, tờ bản đồ số 5, loại đất màu, diện tích 1.060m²; Thửa đất số 731, tờ bản đồ số 5, loại đất màu, diện tích 400m², các thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Thực hiện dự án đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ giai đoạn 1, Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân có quyết định thu hồi 3.918,7m² của cụ Tr1 gồm thửa 729, diện tích 2.158m²; thửa 733 diện tích 495,8m²; thửa 726 diện tích 609,5m² và thửa 728 diện tích 655,4m².

Hiện phần còn lại các thửa đất nêu trên do bà Nh, anh M, anh S, chị T1 và anh M1 đang quản lý, sử dụng. Ông B, bà T và bà H yêu cầu bà Nh, anh M, anh S, chị T2 và anh M1 bàn giao đất để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng phía gia đình bà Nh không đồng ý.

Ông B là con nuôi của cụ Tr1, cụ Th. Trước đây bà T, bà H và ông B ở cùng nhà cụ Tr1, khi ông B lập gia đình ra ở riêng thì không còn ở chung với Tr1, cụ Th. Khoảng năm 1992, ông B về sinh sống ở huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Khi cụ Tr1, cụ Th còn sống thì các con ai cũng góp phần chăm sóc, không riêng gì vợ chồng bà Nh.

Nguồn gốc 06 thửa đất đang tranh chấp là của cụ Tr1, cụ Th để lại, không phải thuộc quyền sử dụng chung của hộ của cụ Tr1 và vợ chồng bà Nh và các con của vợ chồng bà Nh, ông S1. Khi cụ Tr1 chết thì các nguyên đơn không biết ai đã kê khai đăng ký thay quyền sử dụng đất cho cụ Tr1, các nguyên đơn yêu cầu được nhận đất để sử dụng.

Về phần thẩm định, đo đạc thì các nguyên đơn không có ý kiến vì không xác định được ranh đất do cụ Tr1 để lại. Các nguyên đơn không biết bà Nguyễn Thị Si Nh1 là ai, ở đâu. Đề nghị Tòa án thu thập file đo đạc các thửa đất đang tranh chấp theo bản đồ địa chính chính quy và bản giải thửa để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ông B, bà T và bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do cụ Tr1 và cụ Th để lại theo quy định pháp luật thành 04 phần, mỗi người con

được hưởng một kỷ phần thừa kế, cụ thể như sau: Chia thừa đất số 726, diện tích 840m² thành 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 210m²; Chia thừa đất số 728, diện tích 3.340m², thành 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 835m²; Chia thừa đất 729, diện tích 6.180m², thành 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 1.545m²; Chia thừa đất 733, diện tích 1.100m², thành 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 275m²; Chia thừa đất 725, diện tích 1.060m², thành 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 265m²; Chia thừa đất 731, diện tích 400m², thành 04 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần 100m².

Ông B, bà T và bà H (hưởng phần thừa kế của ông S2); bà Nh và các con bà Nh, ông S1 hưởng phần thừa kế của ông S1. Các nguyên đơn yêu cầu được nhận đất để sử dụng.

Về phần tiền Nhà nước thu hồi đất bồi thường và hỗ trợ chia đều thành 04 kỷ phần bằng nhau mỗi người thừa kế được nhận số tiền 295.143.147đ.

Về giá đất tại vị trí các phần đất do cụ Tr1 để lại thì không biết giá trị thị trường hiện nay, các nguyên đơn yêu cầu được nhận đất để sử dụng.

** Bị đơn anh Nguyễn Nhật S, chị Nguyễn Kim T2, anh Nguyễn Nhật M trình bày:* Đối tượng được cấp quyền sử dụng đất tại các thửa 725, 726, 728, 729, 731, 733 có tổng diện tích 12.920m², tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 61397/QSDĐ/271/QĐ.UB và số 61398/QSDĐ/271/QĐ.UB cấp ngày 12/11/2004) là cấp cho hộ cụ Nguyễn Công Tr1 là tài sản chung của hộ cụ Nguyễn Công Tr1, căn cứ đơn xác nhận thành viên ngày 06/7/2021 thì gia đình cụ Tr1 từ năm 1977 đến nay gồm 07 thành viên là cụ Tr1, ông S1, bà Nh, anh M1, anh M, anh S và chị T2. Cụ Tr1 đã mất ngày 25/7/2002, cụ Th mất ngày 06/6/2000 nên đã xóa khẩu trước thời điểm cấp quyền sử dụng đất ngày 12/11/2004 nên không còn là thành viên trong hộ và không có quyền sở hữu đối với 06 thửa đất nêu trên.

Giai đoạn 1984 khi có biến động về đất đai (rã tập đoàn) thì đất được tập đoàn giao lại cho ông S1 và bà Nh (người có khả năng lao động) trực tiếp canh tác từ năm 1984 đến nay, các khoản thuế do ông S1 nộp. Do đó ông S1, bà Nh và các con là những người có đủ điều kiện được xác lập quyền và công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nh, anh M, chị T2 và anh S không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn; yêu cầu công nhận các phần đất đang tranh chấp thuộc sở hữu chung của 06 người gồm: ông S1, bà Nh, anh M, anh S, chị T2, anh M1. Các nguyên đơn không có quyền khởi kiện vì cụ Tr1 chết năm 2002, cụ Th đã chết năm 2000 nên đã xóa tên khỏi sổ hộ khẩu không còn là thành viên trong hộ. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Tr1, cụ Th không còn là thành viên của hộ nên không để lại di sản thừa kế.

Riêng ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1935 không phải là con ruột cũng không đủ điều kiện là con nuôi của cụ Tr1 và cụ Th. Do chiến tranh nên cha mẹ ruột ông B gửi ông B cho gia đình cụ Tr1 nuôi dưỡng nên ông B sống với gia đình cụ Tr1; ông B không trực tiếp nuôi dưỡng, thăm nom cụ Tr1 và cụ Th khi già yếu, đau bệnh; không tham gia xây mộ mã cho hai cụ. Khi cụ Tr1, cụ Th còn sống thì ông S1, bà Nh là người trực tiếp chăm sóc (vì cụ Tr1 ở cùng nhà vợ chồng bà Nh và các con của bà Nh, ông S1. Về phần bồi thường, hỗ trợ về cây trồng và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ khác từ đất lúa lên vườn - ao - nuôi trồng thủy sản thì các nguyên đơn không phải là người trực canh, không có quyền sử dụng đất nên yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ.

Về phần thẩm định, đo đạc các thửa đất đang tranh chấp thì các nguyên đơn không có ý kiến không yêu cầu, bị đơn đề nghị Tòa án không phải tiến hành trưng cầu đo đạc, thẩm định.

Về trị giá quyền sử dụng đất đang tranh chấp thì thống nhất giá đất mà bị đơn đã nhận chuyển nhượng đất từ bà Nguyễn Thị Thu H ở cùng vị trí giáp cận.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, không có nguyên đơn nào đến nhà phụ gia đình bà chăm sóc cụ Tr1 và cụ Th, chỉ có vợ chồng bà và các con của bà là người trực tiếp chăm sóc cụ Th, cụ Tr1 cho đến khi 02 cụ chết. Do các nguyên đơn khởi kiện làm kéo dài việc nhận tiền bồi thường từ cơ quan có thẩm quyền nên bà yêu cầu các nguyên đơn là ông B, bà T và bà H bồi thường lãi phát sinh do chậm nhận tiền bồi thường từ ngày 20/10/2020 đến 23/6/2023 x 1.180.572.590đ x 20%/năm bằng 630.600.000đ.

** Tại văn bản số 1225/UBND-NC ngày 16/11/2021, văn bản số 1110/UBND-NC ngày 21/10/2021, văn bản số 860/UBND-NC ngày 22/8/2022 (bút lục 292) người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân trình bày:*

Theo tư liệu Chương trình đất: Thửa 729, diện tích 6.180m², loại đất 2 lúa, thửa đất số 731, diện tích 400m², loại đất màu và thửa 733, diện tích 1.100m², loại đất màu, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Công Tr1 kê khai đăng ký.

Theo sổ mục kê đất ngày 25/3/1996, ghi nhận cụ Tr1 đứng tên thửa đất số 725, 726, 728, 729, 731, 733, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long. Theo sổ địa chính quyển D8, ngày 30/12/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ghi nhận thửa 725, 726, 728, 729, 731, 733, ghi là ông Nguyễn Công Tr1, sinh năm 1915, cư ngụ ấp T, xã T, huyện Bình Tân.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 725, 726, 728, 729, 731, 733, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long ghi hộ Nguyễn Công Tr1.

Căn cứ các cơ sở nêu trên thì giữa hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trùng khớp nhau. Bản sao hồ sơ liên quan đến việc cấp quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Công Tr1 là đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 21/9/2004 (đính kèm bản sao sổ Địa chính cấp ngày 30/12/2005, quyền D8, trang 147 và đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Xuân K trình bày:* Chị là người thừa kế của ông Nguyễn Văn S2, trong việc tranh chấp thừa kế di sản của cụ Tr1, cụ Th, phần di sản của ông S2 chị được hưởng thì chị đồng ý giao lại cho bà H (mẹ chị) được hưởng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DSST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 5, khoản 9, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 634, 636, 637, 643, 679 và 681 của Bộ luật Dân sự 1995; các Điều 221, 649, 651, 653, 659 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 73; khoản 1, khoản 2 Điều 76 Luật đất đai 1993.

Áp dụng các Điều 99, 101, 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất của cụ Trần Thị Th, cụ Nguyễn Công Tr1 tại các thửa đất số 725, 726, 728, 729, 731, 733, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long ghi hộ Nguyễn Công Tr1 đứng tên quyền sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu ông B bà T và bà H bồi thường lãi phát sinh do chậm nhận tiền bồi thường (từ ngày 20/10/2020 đến 17/8/2023) x 1.180.572.590đ x 20%/năm = 661.687.326đ.

3. Công nhận cho bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Nhật S, anh Nguyễn Nhật M1, chị Nguyễn Kim T2 và anh Nguyễn Nhật M được đứng tên quyền sử dụng đất (phần diện tích còn lại sau khi trừ đi diện tích đã thu hồi theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 và Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND huyện Bình Tân) tại thửa đất số 725, 726, 728, 729, 731,

733, tờ bản đồ số 5, (theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy là các thửa 159, 168, 173, 352 tờ bản đồ số 27 và thửa số 68 tờ bản đồ số 28) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân), tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn Công Tr1 đứng tên quyền sử dụng và được tiếp tục sở hữu các tài sản trên đất.

Bà Nh, anh S, anh M1, anh M và chị T2 được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đất được công nhận (theo diện tích đo đạc trên thực tế).

4. Buộc bà Nh, anh S, anh M1, anh M và chị T2 hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thu H mỗi người số tiền là 219.668.200đ (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm đồng).

5. Bà Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Nhật S, anh Nguyễn Nhật M1, anh Nguyễn Nhật M và chị Nguyễn Kim T2 được nhận số tiền 920.768.696đ (Chín trăm hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng).

6. Ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thu H mỗi người được nhận số tiền 86.601.298đ (Tám mươi sáu triệu sáu trăm lẻ một nghìn hai trăm chín mươi tám đồng).

(Số tiền tại mục 5 và 6 nêu trên thuộc số tiền 1.180.572.590đ theo Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 31/8/2023 ông B, bà T, bà H có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm:

- Công nhận cho ông B, bà T, bà H được hưởng và đồng sở hữu các thửa đất số 159, TBĐ 5, diện tích 698,0m²; thửa 351, TBĐ 5, diện tích 1.830,7m²; thửa 168 TBĐ 5, diện tích 5.210,7m² đều là đất LUC, thửa 173, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.142,5m² loại đất CLN; thửa đất 352 diện tích 320,0m² loại đất BHK.

- Ông B, bà T và bà H được hưởng phần giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Công Tr1 bị ảnh hưởng dự án xây dựng đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, giai đoạn 1 tại xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long mỗi cá nhân được hưởng số tiền là 295.000.000 đồng.

Ngày 18/9/2023, anh Nguyễn Nhựt M có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông V là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, công nhận cho các nguyên đơn các thửa đất 351, 352, 159, 168 và 173, giao cho bị đơn thửa 68 do thửa 68 có đất thổ có nhà ở của bị đơn. Nếu diện tích chia thừa kế của nguyên đơn tính giá trị nhiều hơn thì đồng ý hoàn giá trị chênh lệch. Trường hợp không thể chia hiện vật thì yêu cầu chia giá trị theo giá thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự; về số tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư, yêu cầu chia số tiền bồi thường đất 960.270.000 thành 05 phần, các nguyên đơn nhận mỗi người 192.000.000 đồng; giao bị đơn 02 phần; đối với giá bồi thường cây trồng 220.000.000 đồng không yêu cầu phân chia do cây trồng bà Nh và ông S1 trồng không phải di sản của cụ Tr1. Người đại diện của nguyên đơn không xác định được thửa 351 được biến động từ thửa đất nào của cụ Tr1 và không biết thửa đất 351 và 352 mà nguyên đơn xác định là di sản thừa kế của cụ Tr1 đã được bà Nh đứng tên quyền sử dụng đất.

Chị T2 đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh M trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Tân tham gia tố tụng do cơ quan này thực hiện chi trả tiền bồi thường đất bị thu hồi là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ nguồn gốc thửa đất số 351 và thửa đất số 352 của bà Nh đã được cấp quyền sử dụng đất là do bà Nh nhận chuyển nhượng của bà H theo bản án có hiệu lực của Tòa án mà xác định 02 thửa đất này là di sản thừa kế của cụ Tr1 và chia thừa kế cho các nguyên đơn là không đúng.

Bà Nh, anh S, anh M1 không đồng ý kháng cáo của ông B, bà T và bà H. Đồng ý kháng cáo của anh M.

Chị K trình bày đồng ý kháng cáo của ông B, bà T và bà H. Không đồng ý kháng cáo của anh M.

Luật sư Mai T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn phát biểu: Tại Bản án dân sự sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế của cụ Tr1 gồm có 04 người và xác định di sản của cụ Tr1 là các thửa đất 351, 352, 173, 68, 168, 159 là có căn cứ. Về kỹ phần thừa kế, các nguyên đơn cũng thừa nhận ông S1 có công bồi dưỡng, giữ gìn di sản nên nguyên đơn thống nhất chia số tiền bồi thường hỗ trợ đất thành 05 phần cho gia đình ông S1 nhận 02 phần là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chia cho các nguyên đơn được nhận đất do di sản là quyền sử dụng

đất có thể chia bằng hiện vật và chia cho các nguyên đơn mỗi người được nhận số tiền bồi thường hỗ trợ là 192.000.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Phước Tr bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có bài phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận tư cách nguyên đơn của ông B. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ nguồn gốc đất của cụ Tr1 và phần đất của gia đình ông Sốc được tập đoàn cấp. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập giá đất mà sử dụng giá đất được Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân tính giá bồi thường đất năm 2020 là trái với thỏa thuận của các đương sự; các thửa đất không được khảo sát đo đạc và có phát sinh tranh chấp ranh đất với chủ giáp cận nhưng chưa được giải quyết; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Tân quản lý số tiền hỗ trợ bồi thường đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cơ quan này tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, không đưa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Tân là đơn vị quản lý số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vào tham gia tố tụng để đảm bảo việc thi hành án cho các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không khảo sát đo đạc và thẩm định giá trị tài sản tranh chấp theo giá thị trường là không đúng quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DSST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và xác định di sản của cụ Tr1 và cụ

Th gồm: Quyền sử dụng các thửa đất số 351, 352, 173, 168, 68, 159 (thửa cũ là 725, 726, 728, 729, 731, 733) tọa lạc ấp T, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất là 1.180.572.590 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm chín mươi đồng).

Ngày 29/9/2020, Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long có Quyết định số 2084/QĐ-UBND về việc thu hồi 3.918,7m² đất tại ấp T, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Theo quyết định trên thu hồi 3.918,7m² (diện tích thực đo) của cụ Nguyễn Công Tr1 thuộc thửa 729, tờ bản đồ số 5, diện tích 2158m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước; thửa số 733, tờ bản đồ số 5, diện tích 495,8m² mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác; thửa số 726, tờ bản đồ số 5, diện tích 609,5m² và thửa 728, tờ bản đồ số 5, diện tích 655,4m² mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác tại ấp T, xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, lý do thu hồi để xây dựng Đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ (Giai đoạn 1).

Căn cứ Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Công Tr1 bị ảnh hưởng dự án xây dựng Đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, giai đoạn 1 tại xã T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Theo nội dung quyết định phê duyệt giá trị bồi thường cho cụ Tr1 chi tiết các mục với tổng số tiền là 1.180.572.590 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm chín mươi đồng). Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, giai đoạn 1 thực hiện chi trả tiền bồi thường cho hộ cụ Tr1. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận số tiền được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nêu trên hiện do Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Bình Tân đang quản lý, do có tranh chấp nên số tiền chưa được chi trả.

[2] Xét nguồn gốc các thửa đất: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn xác định các thửa đất số 351, 352, 173, 168, 68, 159 là di sản thừa kế của cụ Tr1 và cụ Th. Về phía bị đơn không thừa nhận quyền sử dụng các thửa đất số 173, 168, 68, 159 là di sản thừa kế của cụ Tr1, do các thửa đất này đã được cụ Tr1 giao cho ông S1 quản lý, canh tác từ năm 1984 và ông S1 đã đăng ký kê khai đất tại Ủy ban nhân dân xã nên không phải là di sản thừa kế của cụ Tr1. Theo các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp thì các thửa đất trên có nguồn gốc của cụ Tr1 và gia đình ông S1 được tập đoàn cấp theo nhân khẩu nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ, trong các thửa đất trên có bao nhiêu thửa đất là di sản của cụ Tr1 và có bao nhiêu thửa đất được tập đoàn cấp cho gia đình ông S1. Đối với thửa đất số 351 và 352, bà Nh đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, theo tư liệu địa chính ghi nhận và bị đơn khai bà Nh nhận chuyển nhượng của bà H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc đất mà xác định là di sản của cụ Tr1 để chia thừa kế là ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Ngoài ra, các thửa đất trên chưa khảo sát đo đạc xác định diện tích đất còn lại sau thu hồi theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND đối với các thửa 729, diện tích 2158m²; thửa số 733, diện tích 495,8m²; thửa số 726, diện tích 609,5m² và thửa 728, diện tích 655,4m² của mỗi thửa bao nhiêu. Theo hồ sơ vụ án thể hiện việc tiến hành khảo sát đo đạc không thành do các nguyên đơn không xác định được ranh đất, các thửa đất có phát sinh tranh chấp ranh với chủ giáp cận. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận do thửa đất 168 và 159 có phát sinh tranh chấp ranh với chủ giáp cận đã được hòa giải tranh chấp đất đai ở cơ sở không thành nhưng chưa được giải quyết, vì vậy chưa xác định được diện tích đất tranh chấp và việc không khảo sát đo đạc thì không có Trích đo bản đồ địa chính khu đất đối với các thửa đất tranh chấp sẽ không đảm bảo khi thi hành án. Các đương sự tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa thẩm định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ để xác định tài sản gắn trên quyền sử dụng đất là chưa đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[3] Về số tiền được bồi thường hỗ trợ diện tích đất thu hồi 3.918,7m² của cụ Tr1 theo Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long phê duyệt là 1.180.572.590 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm chín mươi đồng) do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, giai đoạn 1 thực hiện chi trả tiền bồi thường nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập ý kiến của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Tân là đơn vị quản lý số tiền trên để làm rõ số tiền đang quản lý và chi trả tiền cho ai nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đương sự khi thi hành án là có thiếu sót.

[4] Về mối quan hệ con nuôi giữa ông B với cụ Tr1 và cụ Th: Căn cứ giấy khai tử thể hiện cụ Tr1 sinh năm 1913. Các nguyên đơn khai cụ Tr1 sinh 1915. Tại tòa chi T2 nộp căn cước công dân của cụ Tr1 thể hiện cụ Tr1 sinh năm 1918, còn tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện ông B sinh năm 1935. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc cụ Tr1 nhận ông B là con nuôi thời điểm cụ Tr1 ở độ tuổi nào có phù hợp tập quán, quy định về việc nhận nuôi con nuôi không và cụ Tr1 có đủ điều kiện nhận nuôi con nuôi không. Các bị đơn còn cung cấp giấy khai sinh của ông B đăng ký khai sinh năm 2019 có cha mẹ ruột là ông D và bà Nh, cần làm rõ để xác định có tồn tại quan hệ con nuôi giữa cụ Tr1, cụ Th với ông B thì việc giải quyết mới đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm

chưa thu thập chứng cứ đầy đủ để giải quyết vụ án là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông B, bà T, bà H và anh M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DSST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B, bà T, bà H và anh M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0013187 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL;
- TAND huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung

